

Số: 04/2019/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về giải quyết tranh chấp đất đai và cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản qui phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5615/TTr-STNMT ngày 23 tháng 11 năm 2018, Công văn số 250/STNMT-TTr ngày 17 tháng 01 năm 2019 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 187/BC-STP ngày 26 tháng 10 năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của UBND tỉnh:**

1. Khoản 5 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Thời điểm bắt đầu tiến hành cưỡng chế được thực hiện trong giờ hành chính; Không thực hiện cưỡng chế trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau; Các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; Trong thời gian 15 ngày trước và sau tết nguyên đán; Các ngày truyền thống đối với các đối tượng chính sách nếu họ là người bị cưỡng chế và các trường hợp đặc biệt khác làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phong tục, tập quán tại địa phương”.

2. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực thi hành mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không chấp hành quyết định và đã được Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất tranh chấp đã vận động, thuyết phục mà không chấp hành;

2. Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất tranh chấp;

3. Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực thi hành;

4. Người bị cưỡng chế đã nhận được Quyết định cưỡng chế.

Trường hợp người bị cưỡng chế từ chối không nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi giao quyết định cưỡng chế thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản ghi nhận sự việc”.

3. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 6 như sau:

“Thời hạn cưỡng chế không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày người bị cưỡng chế nhận được quyết định cưỡng chế hoặc kể từ ngày lập biên bản về việc không nhận quyết định cưỡng chế. Nếu quá thời hạn cưỡng chế thì không thực hiện cưỡng chế mà phải ban hành lại quyết định cưỡng chế”.

4. Khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Cơ quan được giao xác minh các điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm:

a) Rà soát các điều kiện thực hiện cưỡng chế quy định tại các Khoản 2, 3 Điều 5 Quy định này. Nếu điều kiện nào chưa đảm bảo thì phải báo cáo người có thẩm quyền để thực hiện.

b) Thu thập thông tin về người phải chấp hành cưỡng chế, bao gồm các thông tin về: Nhân thân, hoàn cảnh gia đình, nơi cư trú và những thông tin khác có liên quan.

c) Khảo sát hiện trạng diện tích đất liên quan đến việc cưỡng chế nhằm xác định rõ tình trạng của đất chuẩn bị cưỡng chế. Trường hợp trên đất cưỡng chế có tài sản, công trình xây dựng, vật kiến trúc khác thì phải xác định rõ số lượng, loại công trình, thời điểm hình thành và thông tin về chủ sở hữu, chủ sử dụng.

d) Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày có văn bản giao nhiệm vụ xác minh tại Khoản 1 Điều này, cơ quan được giao xác minh phải có báo cáo bằng văn bản, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định cưỡng chế và thành lập Ban thực hiện cưỡng chế”.

5. Khoản 2 Điều 10 được sửa đổi như sau:

“2. Quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp cho người bị cưỡng chế và phải được lập biên bản giao, nhận, có chữ ký hoặc dấu chỉ của người nhận và ký xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp”.

6. Khoản 1 Điều 11 được sửa đổi như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế. Thành phần Ban thực hiện cưỡng chế gồm Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là trưởng ban. Thành viên đại diện cho

các cơ quan cấp huyện gồm: thanh tra, tư pháp tài nguyên và môi trường, xây dựng; đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất”.

7. Điều 15 được sửa đổi như sau:

“Điều 15. Vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế

Trước khi thực hiện cưỡng chế ít nhất 03 (ba) ngày, Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với các cơ quan liên quan vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế”.

8. Điều 21 được sửa đổi như sau:

“Điều 21. Kinh phí thực hiện việc cưỡng chế

Kinh phí thực hiện việc cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai do UBND tỉnh bố trí để thực hiện hàng năm”.

9. Bổ sung Khoản 4 vào Điều 23 như sau:

“4. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện việc cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên cơ sở đề nghị của UBND các huyện, thành phố Quảng Ngãi”.

**Điều 2. Sửa đổi điểm a Khoản 1 Điều 13 Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh:**

“a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết đối với ý kiến bổ sung và phải lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành”.

### **Điều 3.**

1. Bãi bỏ các Khoản 2, 3, 4 Điều 3; Khoản 3 Điều 4 và điểm b Khoản 2 Điều 10 quy định về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của UBND tỉnh.

2. Bãi bỏ cụm từ “quyết định công nhận hòa giải thành” trong nội dung Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của UBND tỉnh quy định về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”.

### **Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này đến các huyện, thành phố Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện và thành phố Quảng Ngãi có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, đơn vị

chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức thực hiện đúng quy định tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2019.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư Pháp);
- Vụ pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PT-TH Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, NCdmhai75

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng